

Bản án số: 03/2024/DS-ST
Ngày 07-5-2024
"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA PA - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phùng Tiến Hồng
- Ông Nay Phen

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quân Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Trâm -Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2023/TLST-DS, ngày 11 tháng 10 năm 2023, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXX-ST, ngày 08 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Th, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn 1, xã K, huyện Ia, tỉnh G. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Như Ng, sinh năm 1995; địa chỉ: 106 Lê T, phường Ia K, tp. P, tỉnh G. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Hứa Thị Trung Ngh – Luật sư của Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh G; địa chỉ: 106 Lê, phường Ia K, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn 5, xã P, huyện Ia, tỉnh G. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Đào Xuân T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 5, xã P, huyện Ia, tỉnh G. Vắng mặt.

2. Nguyễn Thị D, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn 5, xã P, huyện Ia, tỉnh G. Vắng mặt.

3. Nguyễn Thị T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn 5, xã P, huyện Ia, tỉnh G. Có mặt.

4. Nguyễn Thị H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn 5, xã P, huyện Ia, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 30/8/2023 của nguyên đơn bà Phan Thị Th, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hoàng Thị Như Ng trình bày:

Vào ngày 11/8/2017 bà Lê Thị Th có vay của bà Phan Thị Th số tiền 690.000.000 đồng (sáu trăm chín mươi triệu đồng), việc vay mượn tiền có viết giấy vay tiền và ký xác nhận của bà Lê Thị Th. Thời hạn cho vay tính từ ngày 11/8/2017 đến ngày 11/3/2018. Lãi suất cho vay hai bên tự thỏa thuận, nhưng không ghi vào giấy vay tiền. Đến hạn trả nợ bà Phan Thị Th đã đi đòi nhiều lần nhưng bà Lê Thị Th không chịu trả.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Th phải trả cho bà Phan Thị Th số tiền đã vay là 690.000.000 đồng (sáu trăm chín mươi triệu đồng) theo Giấy vay tiền ngày 11/8/2017 và tiền lãi chậm trả phát sinh kể từ thời điểm nộp đơn khởi kiện (ngày 09/10/2023) cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/5/2024).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cũng thống nhất với các nội dung yêu cầu khởi kiện như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã trình bày, không bổ sung gì thêm.

2. Bị đơn bà Lê Thị Th trình bày:

Bà Lê Thị Th xác nhận giữa bà và bà Phan Thị Th có mối quan hệ làm ăn, vay mượn tiền với nhau, cụ thể từ năm 2011 đến nay bà Lê Thị Th làm trung gian nhiều lần nhận tiền từ bà Phan Thị Th sau đó đưa cho người khác vay lại để hưởng hoa hồng. Việc lấy tiền từ bà Phan Thị Th thì bà Lê Thị Th không có sổ sách, giấy tờ theo dõi nên bà không biết đã lấy của bà Phan Thị Th bao nhiêu tiền. Tuy nhiên, bà Lê Thị Th không thừa nhận có vay của bà Phan Thị Th số tiền 690.000.000 đồng (sáu trăm chín mươi triệu đồng), chỉ thừa nhận có vay số tiền gốc khoảng 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và đồng ý trả số tiền này, còn số tiền 690.000.000 đồng theo đơn khởi kiện của bà Phan Thị Th là tiền gốc cộng với tiền lãi từ năm 2013 đến nay. Bà Lê Thị Th xác nhận có ký vào tờ Giấy vay tiền ngày 11/8/2017 do bà Phan Thị Th đưa và lừa bà ký vào tờ giấy vay tiền này, vì khi đó bà Phan Thị Th nói bà ký vào để cho chồng bà Phan Thị Th an tâm và sau này bà Phan Thị Th hứa chỉ lấy lại tiền gốc, không tính lãi nên bà mới ký. Do đó, nay bà Phan Thị Th khởi kiện đòi số tiền 690.000.000 đồng bà Lê Thị Th không đồng ý trả.

3. Tại các biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2024 những người làm chứng là Đào Xuân T, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị H cùng trình bày:

Ông Đào Xuân T, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị H đều không biết mối quan hệ làm ăn, vay mượn tiền giữa bà Phan Thị Th với bà Lê Thị Th cụ thể như thế nào, những người làm chứng đều xác định chỉ vay mượn tiền của bà Lê Thị Th, không vay mượn tiền của bà Phan Thị Th, do đó nếu có tiền trả thì cũng sẽ trả nợ cho bà Lê Thị Th.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn; các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa được thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã chấp hành và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Th, buộc bị đơn bà Lê Thị Th phải trả cho bà Phan Thị Th tổng số tiền 729.866.667 đồng, trong đó: nợ gốc là 690.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 39.866.667 đồng.

Về án phí: Buộc bị đơn bà Lê Thị Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Phan Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Phan Thị Th khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Th có địa chỉ tại Thôn 5, xã P, huyện Ia, tỉnh G trả số tiền vay là 690.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả nên quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng:

Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 11/8/2017 bà Phan Thị Th chỉ khởi kiện bà Lê Thị Th. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã làm việc với bị đơn bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Viết T (là chồng bà Lê Thị Th) về số tiền vay 690.000.000 đồng. Bà Lê Thị Th trình bày việc bà có quan hệ làm ăn, vay mượn tiền của bà Phan Thị Th thì ông T là chồng không biết, đây là việc làm ăn riêng, cá nhân của bà. Về phía ông T cũng

trình bày không biết và không liên quan đến khoản vay này, ông T không có ý kiến, yêu cầu gì và từ chối tham gia tố tụng. Xét thấy trong vụ án này không có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Việt T, do đó Tòa án không đưa ông T vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là có căn cứ.

- Về việc triệu tập và xét xử vắng mặt nguyên đơn, người làm chứng:

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị Th vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đều có mặt. Những người làm chứng là ông Đào Xuân T, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của những người làm chứng này, kết quả xác định họ đều không biết về mối quan hệ làm ăn, vay mượn tiền giữa bà Phan Thị Th với bà Lê Thị Th, những người làm chứng đều xác định không vay mượn tiền của bà Phan Thị Th, mà chỉ vay mượn tiền của bà Lê Thị Th. Do đó việc vắng mặt của nguyên đơn và những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án và quyền lợi của họ, căn cứ khoản 2 Điều 228 và Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và người làm chứng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn: Tại Giấy vay tiền ngày 11 tháng 8 năm 2017 do bà Phan Thị Th cung cấp thể hiện: Vào ngày 11/8/2017 bà Lê Thị Th có vay của bà Phan Thị Th số tiền 690.000.000 đồng (sáu trăm chín mươi triệu đồng), giấy vay tiền có chữ ký xác nhận của bên mượn tiền là bà Lê Thị Thu. Thời hạn cho vay tính từ ngày 11/8/2017 đến ngày 11/3/2018. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị Th thừa nhận có quan hệ làm ăn, vay mượn tiền với bà Phan Thị Th, thừa nhận nhiều lần nhận tiền từ bà Phan Thị Th sau đó đưa cho người khác vay lại, tuy nhiên việc lấy tiền từ bà Phan Thị Th thì bà Lê Thị Th không ghi chép, không có sổ sách, giấy tờ theo dõi nên không biết đã lấy của bà Phan Thị Th bao nhiêu tiền. Bà Lê Thị Th thừa nhận chữ ký và chữ viết trong Giấy vay tiền ngày 11/8/2017 dưới mục bên mượn tiền đúng là của bà, bà Th không có ý kiến gì và cũng không yêu cầu giám định nội dung gì trong giấy vay tiền nêu trên. Tuy nhiên, theo bà Lê Thị Th thì việc bà ký vào tờ giấy vay tiền nêu trên là do bị bà Phan Thị Th lừa ký vì khi đó bà Phan Thị Th nói bà ký vào giấy vay tiền cho chồng bà Phan Thị Th an tâm, sau này bà Phan Thị Th chỉ lấy tiền gốc, không tính lãi và thực tế bà Lê Thị Th chỉ vay của bà Phan Thị Th số tiền gốc khoảng 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, về số tiền gốc đã vay quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Th trình bày không thống nhất và có sự mâu thuẫn với nhau, cụ thể: Tại biên bản hòa giải ngày 14/12/2023 và biên bản lấy lời khai ngày 02/01/2024 bà Lê Thị Th thừa nhận có vay của bà Phan Thị Th số tiền 690.000.000 đồng là đúng và xin trả dần (thời gian trả nợ theo thỏa thuận từ ngày 14/02/2024 đến 14/12/2029), Tòa án đã lập biên bản hòa giải thành chờ ngày ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, tuy nhiên sau đó người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (khi đó là bà Chu Thị H) có đơn thay đổi ý kiến vì thời

gian trả nợ quá dài, không đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn. Tại biên bản hòa giải ngày 27/02/2024 và tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị Th lại không thừa nhận có vay của bà Phan Thị Th số tiền 690.000.000 đồng, chỉ thừa nhận vay số tiền gốc khoảng 200.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này, còn số tiền 690.000.000 đồng theo đơn khởi kiện của bà Phan Thị Th thì theo bà Lê Thị Th cho rằng đây là tiền gốc cộng với tiền lãi bà Phan Thị Th tự tính từ năm 2013 đến nay nên không đồng ý trả. Ngày 27/02/2024 bà Lê Thị Th có cung cấp cho Tòa án 01 cuốn vở học sinh kẻ ô ly (được đánh số trang từ 01 đến 32) và có yêu cầu Tòa án triệu tập lấy lời khai một số người làm chứng là ông Đào Xuân T, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị H. Quá trình làm việc về cuốn vở học sinh kẻ ô ly bà Lê Thị Th thừa nhận bà là người trực tiếp ghi chép, theo dõi việc lấy tiền của bà Phan Thị Th để cho người khác vay lại. Qua xem xét các nội dung ghi chép trong cuốn vở ô ly do bị đơn cung cấp thể hiện từ ngày 22/3/2013 bà Lê Thị Th đã nhiều lần lấy phân và tiền mặt của bà Phan Thị Th sau đó cho ông T, bà T, bà D, bà H và nhiều người khác vay lại. Quá trình làm việc, lấy lời khai những người làm chứng là ông Đào Xuân T, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị H đều thể hiện những người làm chứng không biết mối quan hệ làm ăn, vay mượn tiền giữa bà Phan Thị Th và bà Lê Thị Th, những người làm chứng đều xác định chỉ vay mượn tiền của bà Lê Thị Th, không vay mượn tiền của bà Phan Thị Th. Do đó HĐXX có đủ căn cứ xác định bị đơn bà Lê Thị Th có vay của bà Phan Thị Th số tiền 690.000.000 đồng (sáu trăm chín mươi triệu đồng) theo như Giấy vay tiền ngày 11/8/2017 là đúng sự thật và phù hợp với tài liệu, chứng cứ là cuốn vở học sinh kẻ ô ly do chính bà Lê Thị Th cung cấp cho Tòa án. Xét thấy, giao dịch vay tài sản được xác lập giữa bà Phan Thị Th và Lê Thị Th là hoàn toàn tự nguyện, hình thức, mục đích và nội dung của giao dịch nêu trên không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 và 463 của BLDS năm 2015 nên có hiệu lực làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

Tại Điều 466 của BLDS năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn, ... trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Theo giấy vay tiền nêu trên thì thời hạn trả nợ vào ngày 11/3/2018. Do đó bà Phan Thị Th đã thông báo và đi đòi nhiều lần nhưng bà Lê Thị Th không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Phan Thị Th khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Th phải trả số tiền 690.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị Th yêu cầu bà Lê Thị Th phải trả lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền 690.000.000 đồng, thời gian tính lãi chậm trả tính từ thời điểm khởi kiện (ngày 09/10/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm.

Theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau: *“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên*

nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 11/8/2017 thấy rằng hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay có kỳ hạn (hạn trả nợ vào ngày 11/3/2018), không có thỏa thuận về lãi suất, bị đơn bà Lê Thị Th đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn bà Phan Thị Th yêu cầu tính lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày khởi kiện (ngày 09/10/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/5/2024) là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 và có lợi cho bị đơn nên có căn cứ chấp nhận.

Thời gian tính lãi từ ngày 09/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 07/5/2024, số tiền lãi được xác định là: số tiền chậm trả là 690.000.000 đồng x thời gian chậm trả là 06 tháng 28 ngày x 10%/năm = 39.866.667 đồng.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Th. Buộc bị đơn bà Lê Thị Th phải trả cho bà Phan Thị Th tổng số tiền 729.866.667 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 690.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 39.866.667 đồng.

[3] Đối với ý kiến của bị đơn bà Lê Thị Th cho rằng chỉ vay của bà Phan Thị Th số tiền khoảng 200.000.000 đồng, không vay số tiền 690.000.000 đồng nên không đồng ý trả, việc ký vào giấy vay tiền ngày 11/8/2017 là do bà Phan Thị Th lừa ký. Xét thấy các ý kiến trình bày nêu trên của bà Lê Thị Th là không có căn cứ để chấp nhận bởi vì: Bà Lê Thị Th thừa nhận có quan hệ làm ăn, vay mượn tiền của bà Phan Thị Th, thừa nhận đã nhiều lần lấy tiền của bà Phan Thị Th sau đó cho nhiều người vay lại, việc lấy tiền từ bà Phan Thị Th không có sổ sách, giấy tờ theo dõi nên bản thân bà Lê Thị Th cũng không biết và xác định được đã lấy bao nhiêu tiền. Tại phiên tòa bà Lê Thị Th thừa nhận trước khi ký vào giấy vay tiền nêu trên có trực tiếp đọc lại nội dung, việc ký giấy là hoàn toàn tự nguyện, trong trạng thái tinh thần tỉnh táo, không bị ai đe dọa, ép buộc. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Th cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh chỉ vay số tiền 200.000.000 đồng và việc ký giấy vay tiền là do bị bà Phan Thị Th lừa ký nên không có căn cứ để chấp nhận các ý kiến của bị đơn bà Lê Thị Th.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm của vụ án là 33.194.666 đồng. Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 33.194.666 đồng.

Nguyên đơn bà Phan Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Phan Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.800.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000799 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Pa.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 96, Điều 147, khoản 2 Điều 228 và Điều 229, Điều 235, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Th đối với bà Lê Thị Th.

Buộc bà Lê Thị Th phải trả cho bà Phan Thị Th tổng số tiền 729.866.667 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 690.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 39.866.667 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Lê Thị Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 33.194.666 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả lại cho bà Phan Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.800.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000799 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Pa.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 07/5/2024.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Pa;
- Các đương sự;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện Ia Pa;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thắng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phùng Tiến Hồng

Nay Phen

Lê Văn Thắng

